

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2022/HNGĐ - ST**  
Ngày: 13- 6 -2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Đô
2. Bà Lê Thị Thận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Kim P, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 7, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn 7, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

*(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Kim P trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị P và anh Nguyễn Xuân D tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước vào ngày 20/5/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng tới đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát với nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Chị P và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 02/12/2020. Nay ly hôn chị Phương có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu P cho đến khi cháu thành niên. Chị P không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị P cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm:* Trích lục kết hôn số 243/TLKH-BS ngày 20/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; bản sao căn cước công dân của chị P và anh D; bản sao sổ hộ khẩu gia đình của chị P, anh D; bản sao giấy khai sinh của cháu P. Ngoài ra, chị P không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

*Bị đơn anh Nguyễn Xuân D trình bày:* Anh D và chị Lê Thị Kim P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước vào ngày 20/5/2020. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về tình cảm nên chị P đã bỏ về nhà mẹ ruột của chị P sinh sống từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh D đồng ý.

*Về con chung:* Anh D và chị P có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 02/12/2020. Nay ly hôn anh D đồng ý giao cháu P cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu P thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Xuân D. Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đây là vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh Nguyễn Xuân D đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với Trích lục kết hôn số 243/TLKH-BS ngày 20/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã được chị Phương cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh D là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Chị P và anh D đều thống nhất thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về tình cảm nên đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh D là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa anh D cũng đồng ý ly hôn với chị P. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị P.

[4] Về con chung: Chị P và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 02/12/2020. Quá trình giải quyết vụ án chị P và anh D thống nhất giao cháu P cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị P và anh D.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị P và anh D xác định có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị P và anh D xác định có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị Phương phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim P về việc ly hôn. Chị P được ly hôn với anh Nguyễn Xuân D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 02/12/2020 cho chị Lê Thị Kim P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh D không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh D không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí:

Nguyên đơn chị Lê Thị Kim P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000428 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã , thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đào**